



# NỘI DUNG



**PHẦN**

**I**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT NĂM 2014**

**PHẦN**

**II**

**NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU NĂM 2015**



# PHẦN I



**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**



**II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**



**III. DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2014**



**IV. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014**



**V. CHẾ ĐỘ HĐQT, BAN KIỂM SOÁT**



## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

### \* Thuận lợi:

Lãi vay ngân hàng giảm, tỉ giá ngoại tệ ổn định.

Đội ngũ CBCNV có tinh thần đoàn kết cao và nhiều kinh nghiệm, Thiết bị công nghệ đồng bộ (năng suất thiết bị, thời gian huy động thiết bị đã được cải thiện)



## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

### \* **Khó khăn:**

- Khách hàng yêu cầu đa dạng hóa sản phẩm ,mẫu mã ,chất lượng vỏ bao khắtkhe hơn.
- Các nhà máy xi măng đã và đang chuyển dịch cơ cấu sản phẩm; tăng xuất clinke; xi măng rời; giảm sản lượng xi măng bao. Đặc biệt thị trường chính của Công ty là Công ty xi măng Bỉm Sơn, năm 2014 giảm 6 triệu vỏ bao so với năm 2013.
- Từ quý III đến giữa quý IV giá nguyên liệu chính hạt nhựa tạo sợi tăng 2,5% ; nhựa tráng màng tăng 4,5% so với 6 tháng đầu năm.
- Khách hàng kéo dài thời gian thanh toán .Vốn huy động cho SXKD gặp khó khăn.



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

### 1. Các giải pháp chính thực hiện trong năm 2014:

- + Đánh giá đúng các yếu tố khách quan, chủ quan đưa ra các giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả SXKD.
- + Sắp xếp lại lao động nâng cao năng lực bộ máy quản lý.
- + Đào tạo, đào tạo lại, nâng cao trình độ lý thuyết, tay nghề cho thợ vận hành thiết bị
- + Đãi hạt, tuyển dụng một số vị trí đáp ứng yêu cầu cho công tác SXKD, trẻ hóa lao động
- + Đánh giá thực trạng thiết bị, đề ra biện pháp quản lý, sửa chữa, khai thác thiết bị chính đạt công suất thiết kế .



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

### 1. Các giải pháp chính thực hiện trong năm 2014:

- + Thực hiện tốt công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thực hành tiết kiệm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh (Thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật thấp hơn định mức HĐQT giao).
- + Tập trung tìm nhiều giải pháp để kiểm soát, nâng cao chất lượng sản phẩm,
- + Tập trung công tác thị trường tiêu thụ, tăng sản lượng tiêu thụ.  
.Chú trọng công tác dịch vụ, chăm sóc khách hàng.



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

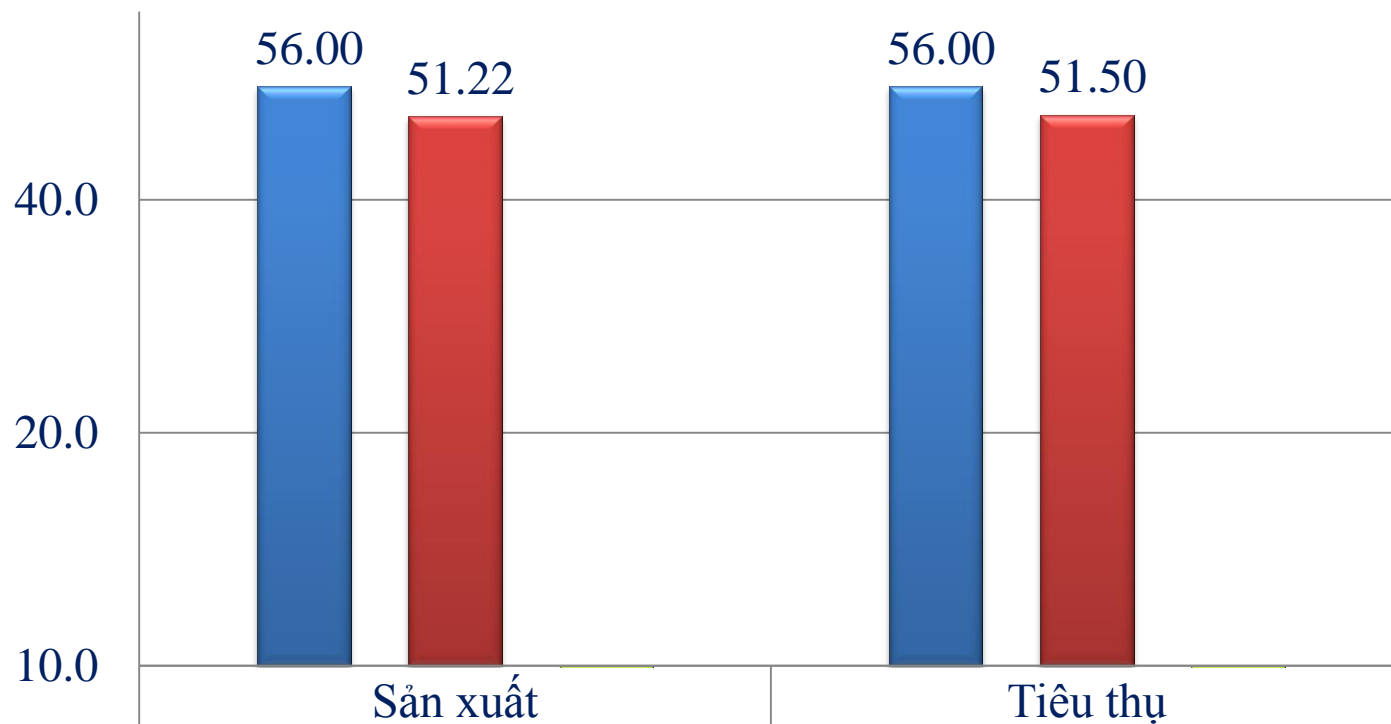
### 1. Các giải pháp chính thực hiện trong năm 2014:

- + Công tác tài chính : Có nhiều giải pháp thu hồi công nợ ,quản trị dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- +Nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật lao động, thực hiện nếp sống văn minh ,văn hóa doanh nghiệp.
- +Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Đảm bảo công ăn việc làm, bình quân thu nhập 7,6 triệu đồng/người/tháng, tương đương năm 2013.



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

**\* Sản lượng: triệu vỏ**



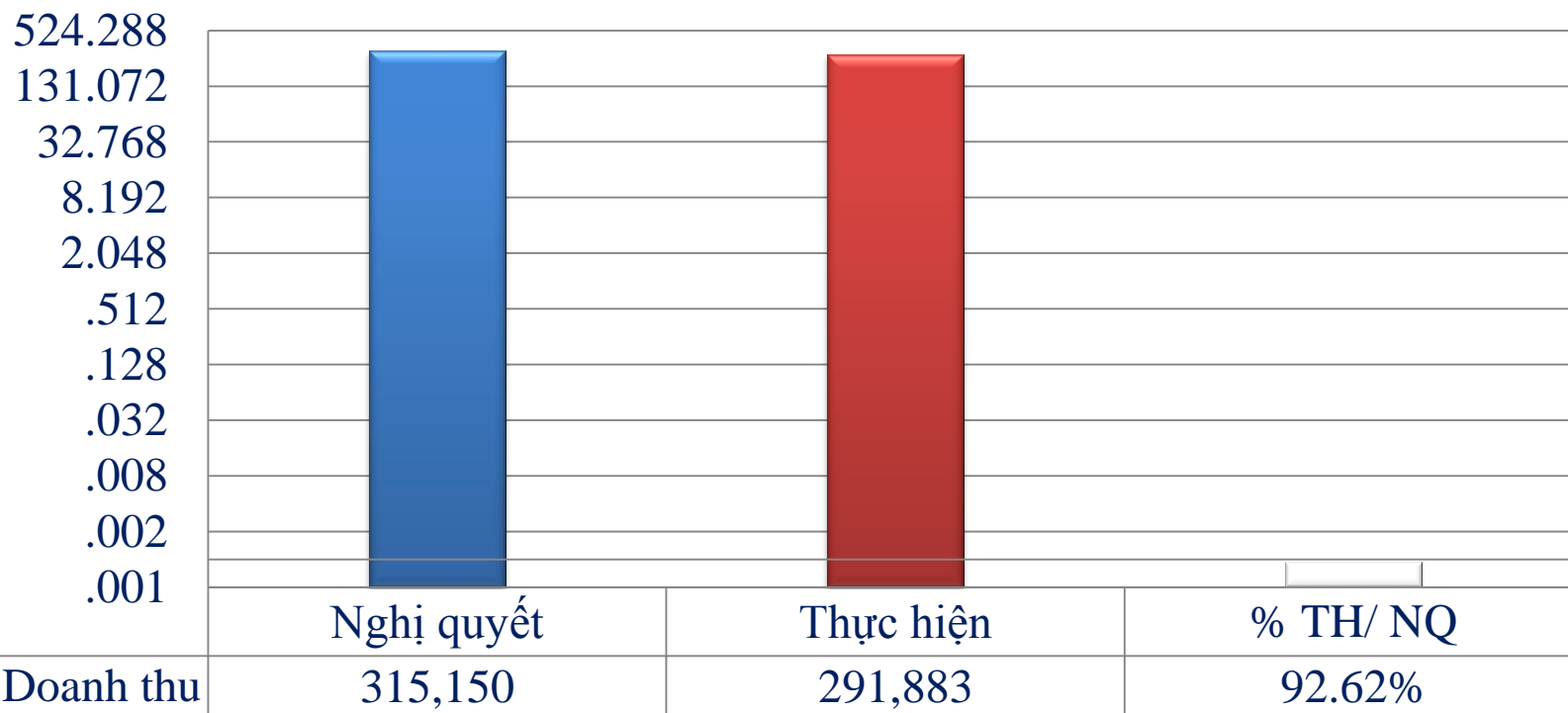
	Sản xuất	Tiêu thụ
■ Nghị quyết ĐHCĐ	56.00	56.00
■ Thực hiện năm 2014	51.22	51.50
■ % TH/NQ	91.46%	91.96%





## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

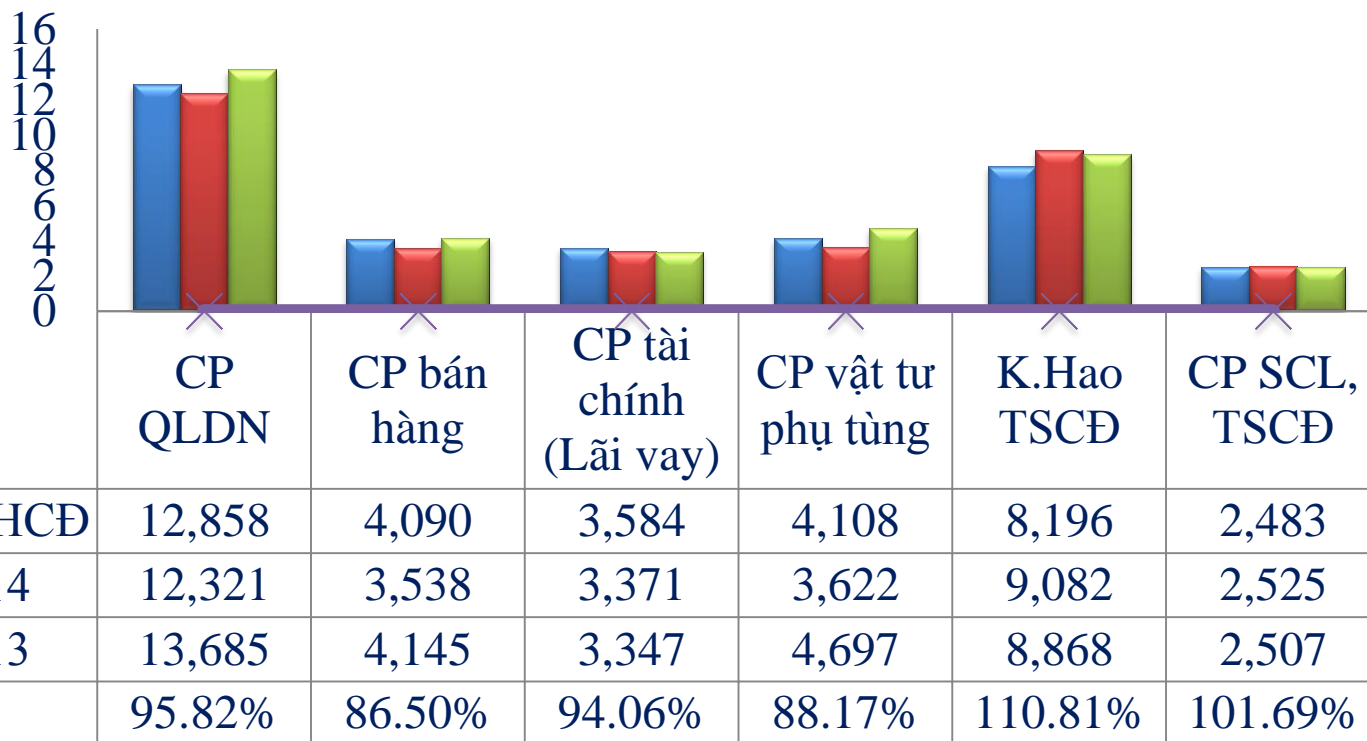
### \* Doanh thu (Triệu đồng)





## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

\* **Chi phí** (Triệu đồng)

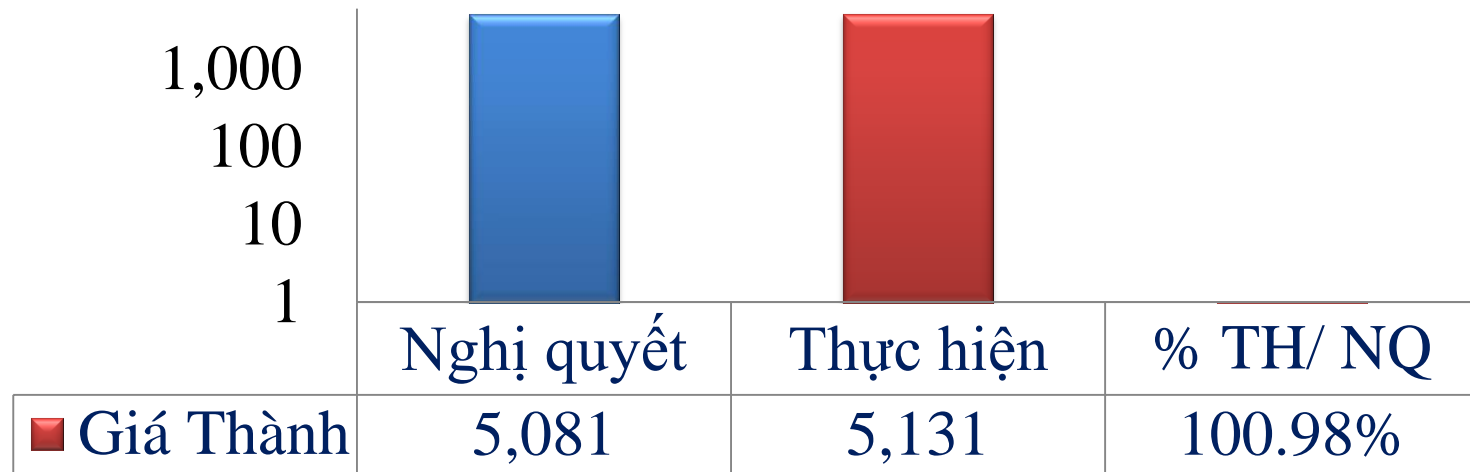


Khấu hao tăng 10,81% do tài sản trong kỳ phát sinh tăng một số tài sản phải trích khấu hao



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

\* **Giá thành sx: đồng/vỏ**

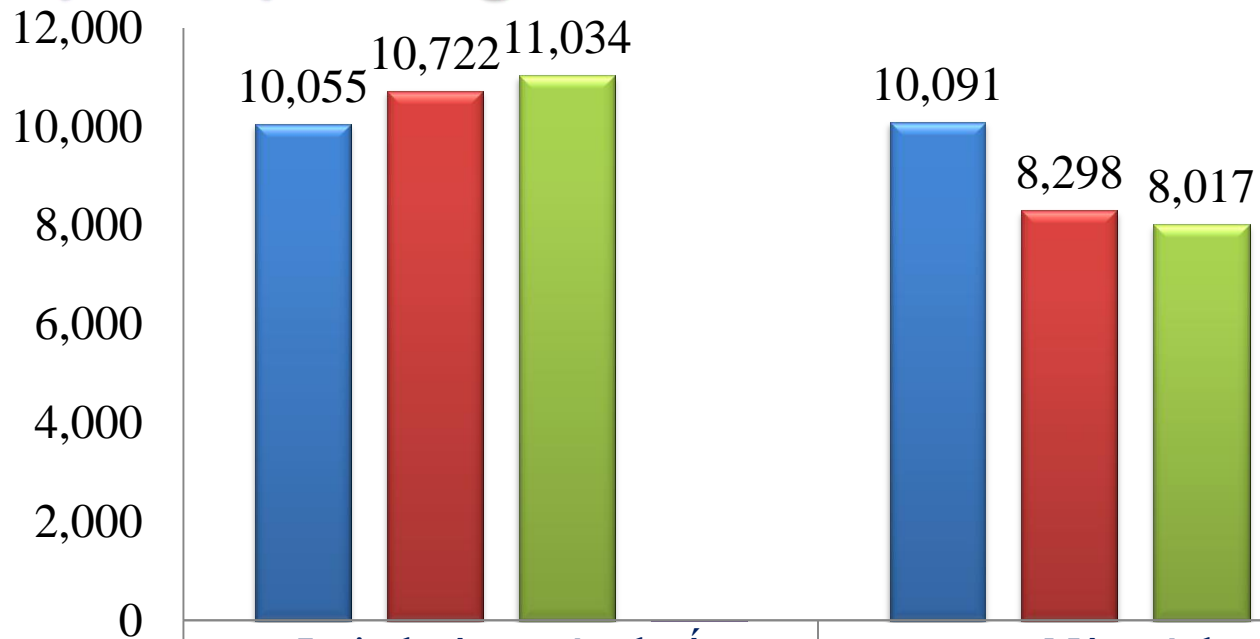


Giá thành thực hiện tăng so với ngân sách do:  
Chi phí tiền lương bình quân/ 1 vỏ bao tăng.  
Giá NVL đầu vào tăng 21,25 đồng/vỏ.



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

### \* Lợi nhuận: triệu đồng



	Lợi nhuận trước thuế	Nộp sách
■ Nghị quyết ĐHCĐ	10,055	10,091
■ Thực hiện năm 2014	10,722	8,298
■ Thực hiện năm 2013	11,034	8,017
■ % TH/ NQ	106.63%	82.23%



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

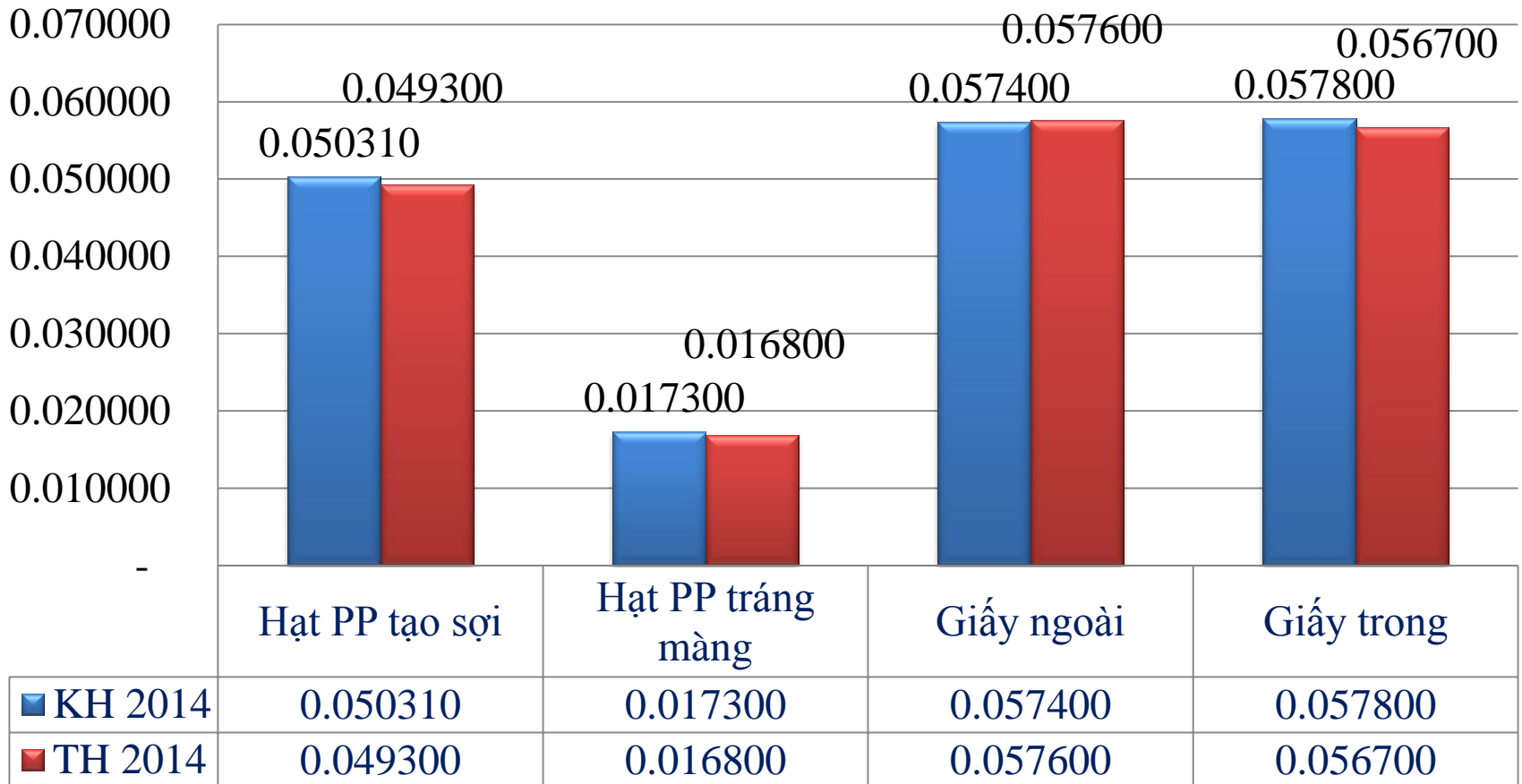
**\* Các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2014: kg/vỏ**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	HĐQT giao	Thực hiện	So sánh %
1	Nhựa tạo sợi	kg/vỏ	0,05031	0,0493	92,84
2	PG tạo sợi	kg/vỏ	0,0082	0,00766	93,41
3	Nhựa tráng màng	kg/vỏ	0,0173	0,0168	97,1
4	PG tráng màng	kg/vỏ	0,0033	0,00299	90,6
5	Nhựa mối dán	kg/vỏ	0,0017	0,00161	94,7
6	Giấy ngoài	kg/vỏ	0,0574	0,0576	100,3
7	Giấy trong	kg/vỏ	0,0578	0,0567	98,1
8	Giấy băng nẹp	kg/vỏ	0,0054	0,0053	98,15
9	Mực in xanh vỏ	kg/vỏ	0,0004	0,00035	87,5
10	Mực in đỏ vỏ	kg/vỏ	0,00011	0,0001	91,0
11	Mực in đen vỏ	kg/vỏ	0,00016	0,00014	87,5
12	Mực băng nẹp	kg/vỏ	0,00032	0,0003	93,75
13	Chỉ may	kg/vỏ	0,00152	0,00149	98,03
14	Điện năng	Kw/vỏ	0,09390	0,09470	100,85



## ĐỊNH MỨC KTKT VẬT TƯ CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

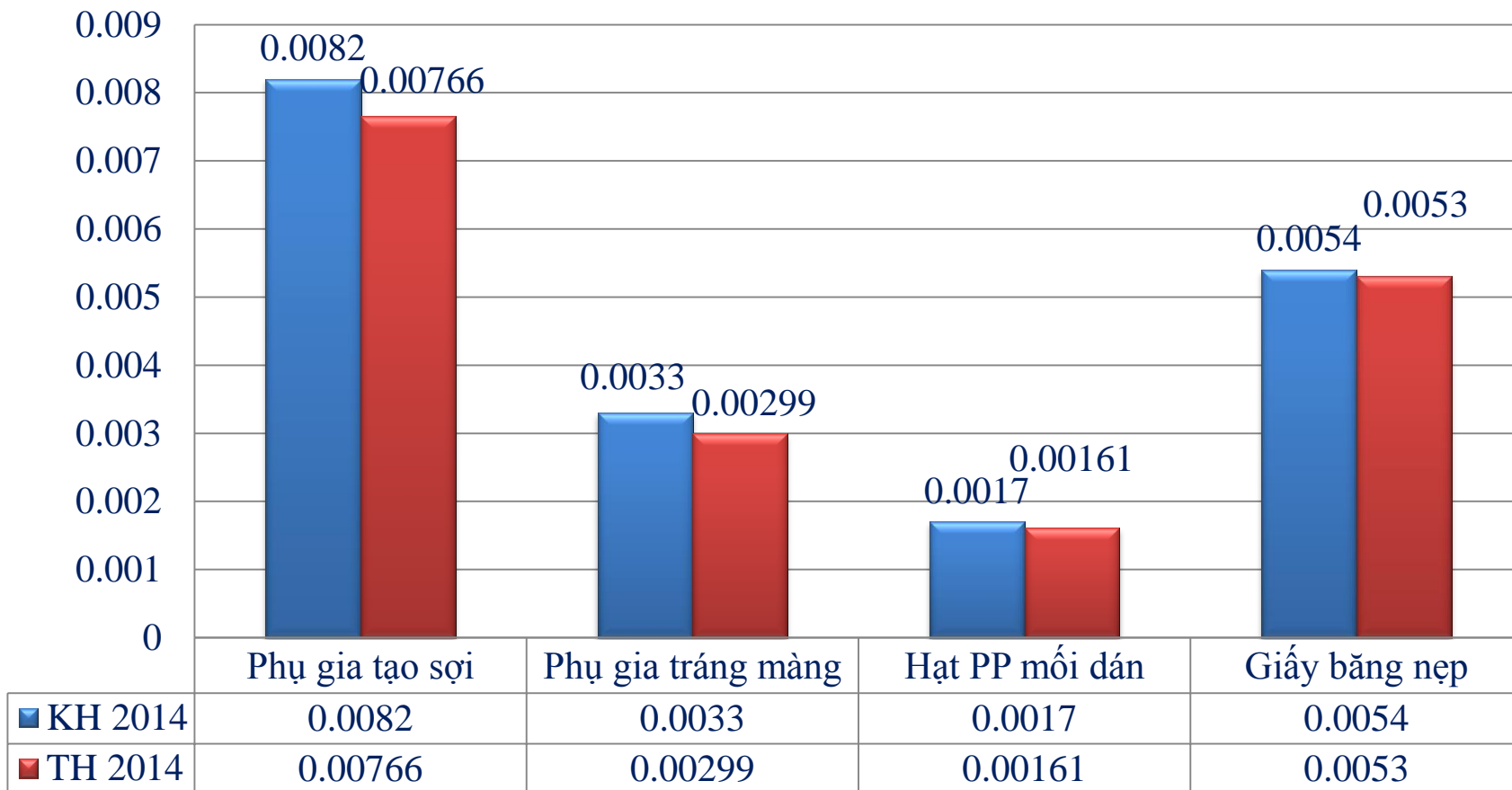
ĐVT: KG





## ĐỊNH MỨC KTKT VẬT TƯ CHIẾM TỶ TRỌNG NHỎ

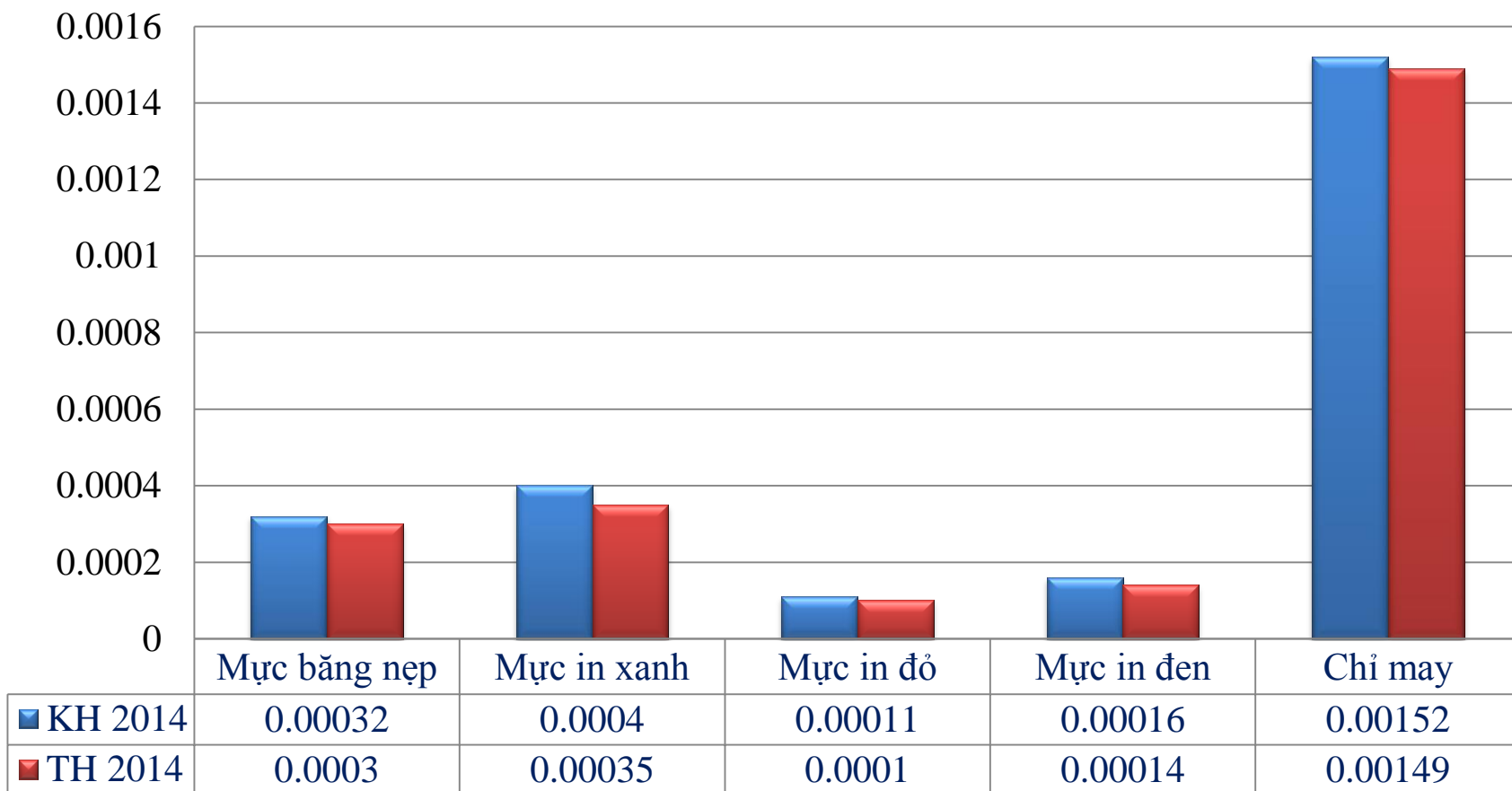
ĐVT: KG





## ĐỊNH MỨC KTKT VẬT TƯ CHIẾM TỶ TRỌNG NHỎ

ĐVT: KG

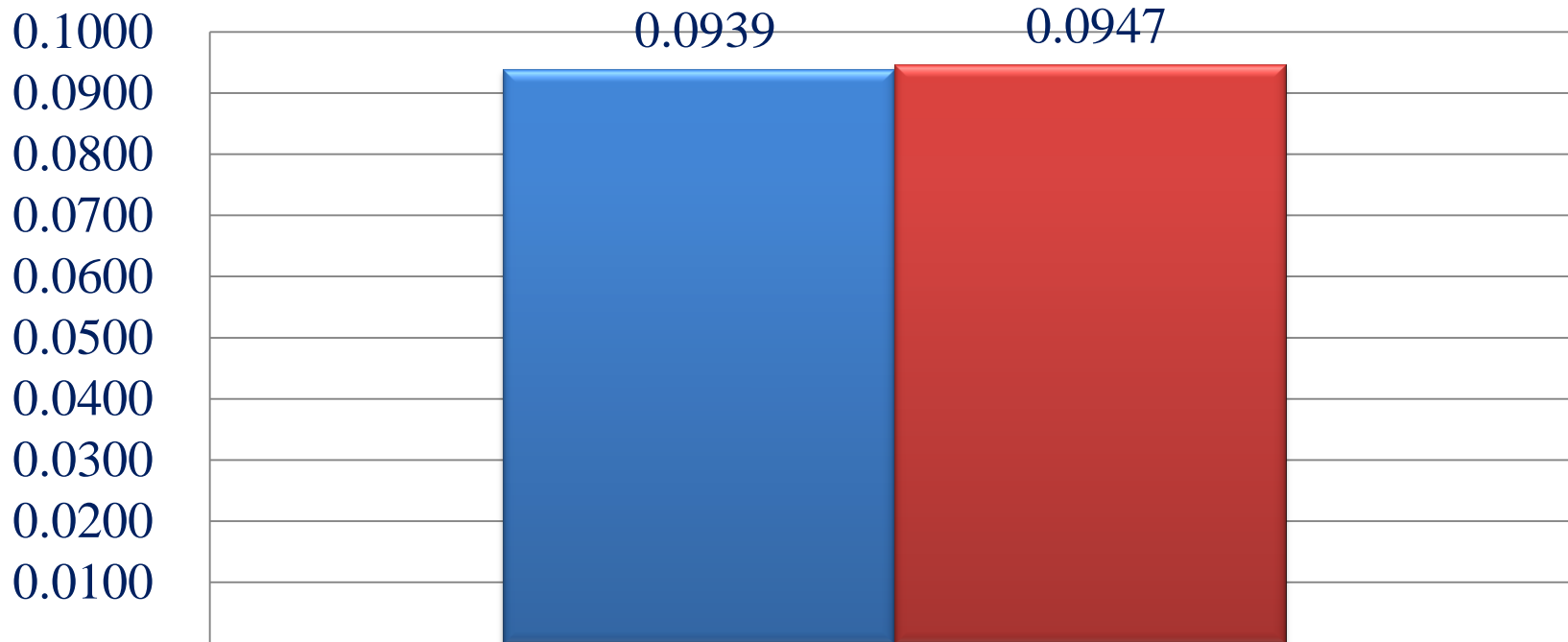






## ĐỊNH MỨC KTKT ĐIỆN NĂNG TIÊU HAO

ĐVT: KW



■ KH 2014

0.0939

■ TH 2014

0.0947



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2014 đã tập trung tìm nhiều giải pháp kỹ thuật công nghệ, quản lý, giảm tỉ lệ phế phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu, do đó tất cả các chỉ tiêu đều thực hiện thấp hơn định mức Hội đồng quản trị giao.



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

### **\* Công tác sửa chữa công trình kiến trúc:**

Năm 2014 đã thực hiện:

Sửa chữa, cải tạo mặt tiền nhà hành chính; sửa chữa cải tạo nhà kho số 3.

Sửa chữa chống hắt nhà sản xuất số 1

Xây bể nước sinh hoạt.

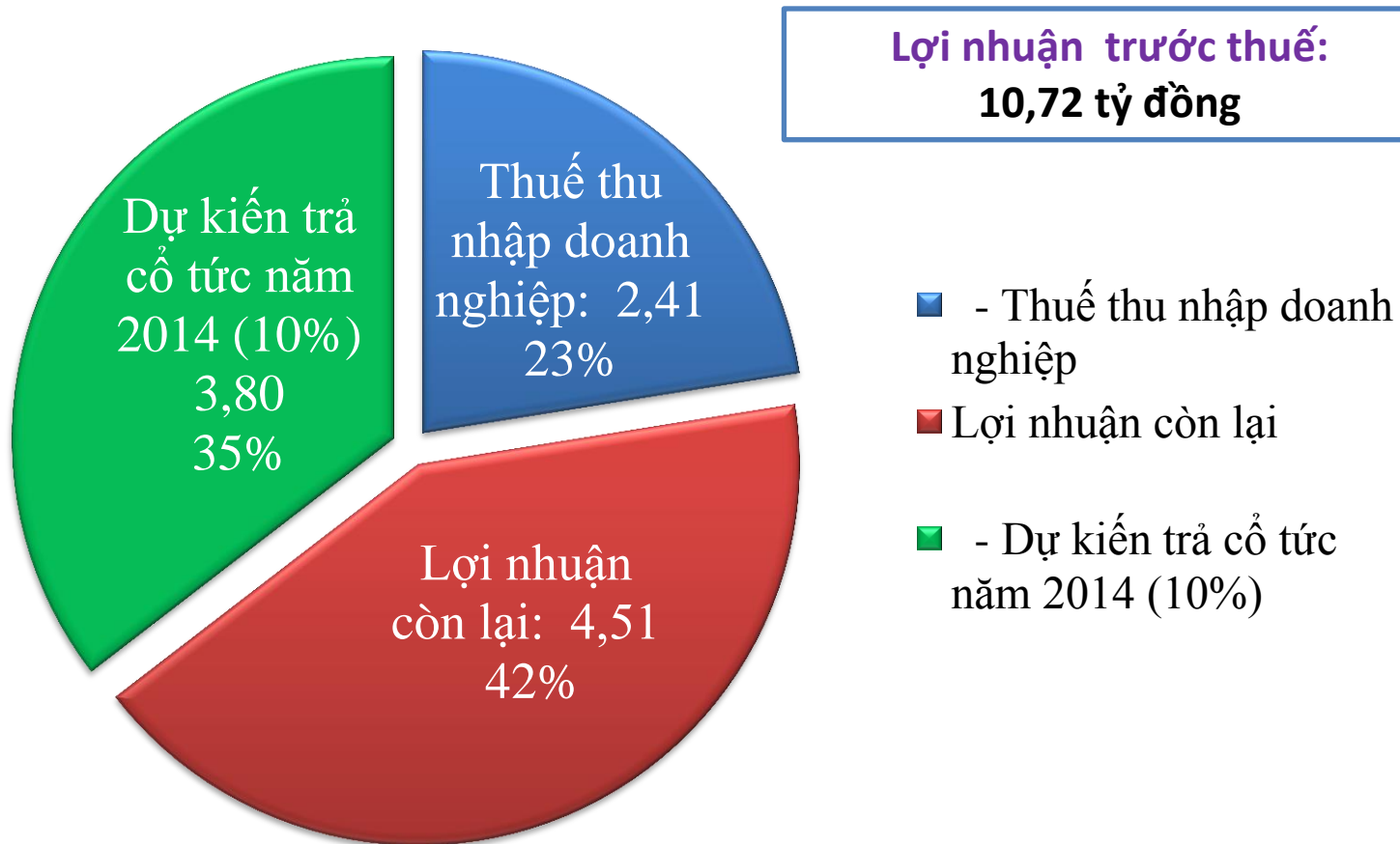
### **\* Công tác đầu tư:**

Lập báo cáo nghiên cứu đầu tư dây chuyền sản xuất bao dán đáy



### III. DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014

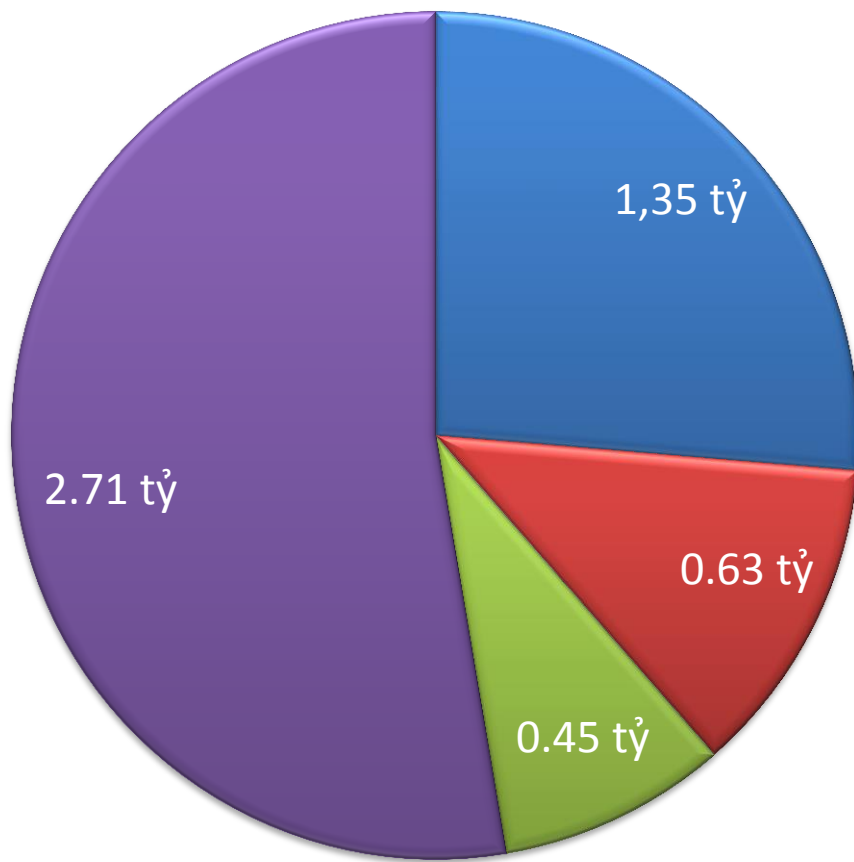
#### \* Lợi nhuận trước thuế: Tỷ đồng





### III. DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014

**\* Lợi nhuận còn lại: 4.508.482.940 đồng**



- 1. Trích quỹ ĐTP
- 2. Trích bổ sung quỹ khen thưởng Phúc Lợi sau Kiểm toán
- 3. Trích quỹ khen thưởng điều hành
- 4. Quỹ khen thưởng + Phúc lợi



## V. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán An Phú kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 theo đúng Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông.





## VI. CHẾ ĐỘ HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

Công ty đã trả thù lao theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014:

Tổng tiền thù lao :			420.000.000 đ
1. Chủ tịch HĐQT	5.000.000đ/tháng x 12	=	60.000.000 đ
2. Ủy viên HĐQT kiêm GD điều hành	5.000.000đ/tháng x12	=	60.000.000 đ
3. Ủy viên HĐQT	4.000.000 đ/thángx12x3	=	144.000.000 đ
4. Trưởng BKS	4.000.000đ/tháng x 12	=	48.000.000 đ
5. KSV	3.000.000đ/tháng x12x2	=	72.000.000 đ
6. Thư ký Công ty	3.000.000đ/tháng x 12	=	36.000.000 đ



# PHẦN II NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2015



I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KD

III. DỰ KIẾN THÙ LAO

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP





## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

### \* **Thuận lợi:**

- Thị trường tiêu thụ tương đối ổn định (Sản lượng cấp vỏ bao cho các công ty trong VICEM chiếm 75 %)
- Thiết bị tương đối đồng bộ và năng lực sản xuất cao.
- Kết quả đạt được năm 2014 là động lực thúc đẩy Công ty phát huy tối đa nội lực hiện có.



## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

### \* **Khó khăn:**

- Tình hình kinh tế năm 2015 được dự đoán vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng trên cơ sở ước sản lượng xi măng tiêu thụ năm 2014, Bộ Xây dựng dự đoán nhu cầu tiêu thụ xi măng toàn ngành năm 2015 vào khoảng từ 71 -73 triệu tấn, tăng 4 -7 % so với năm 2014. Trong đó tiêu thụ nội địa khoảng 52 – 53 triệu tấn, xuất khẩu 19 -20 triệu tấn (không tăng).

Các nhà máy sản xuất xi măng đã và đang chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, tăng xuất clinke, xi măng rời, giảm sản lượng xi măng bao, do vậy nhu cầu vỏ bao giảm so với năm 2014;



# I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

## \* **Khó khăn:**

- Yêu cầu về chất lượng , mẫu mã vỏ bao của khách hàng cao hơn.
- Các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật đã ở mức tối thiểu không thể giảm được nữa.
- Khách hàng mua vỏ bao đều kéo dài thời gian thanh toán, ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn vốn và hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt một số khách hàng ngoài VICEM tiềm ẩn rủi ro cao.
- Giá nguyên liệu chính hạt nhựa biến động phức tạp, khó lường
- Giá điện năng tăng, làm tăng chi phí sản xuất.
- Trước những thuận lợi và khó khăn trên, Công ty đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2015 là: Sản xuất kinh doanh 52 triệu vỏ bao.



## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

### \* Các mục tiêu nhiệm vụ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2015
1	Sản xuất, tiêu thụ	Triệu vò	52,00
2	Doanh thu	Triệu đồng	285.502
3	Chi phí QLDN	Triệu đồng	13.446
4	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	4.338
5	Chi phí tài chính	Triệu đồng	3.380
6	Chi phí mua sắm phụ tùng	Triệu đồng	3.450
7	Chi phí KHTSCĐ	Triệu đồng	8.845
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.500
9	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	9.284
10	Dự kiến trả cổ tức	%/ năm	10 ÷ 15%



## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

### \* Về đầu tư

Nghiên cứu đầu tư sản xuất sản phẩm mới, bao dân đầy đáp ứng nhu cầu của thị trường.

### \* Về đầu tư tài chính:

Trong năm 2015, tiếp tục xem xét bán cổ phiếu còn lại để tập trung vốn cho SXKD.



### III. DỰ KIẾN THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

**Đề nghị mức trả bằng năm 2014.**





## IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

- Kiểm soát và điều hành thực hiện các chỉ tiêu ngân sách từng tháng, từng quý, khoán chi ngân sách đến từng đơn vị, phấn đấu tiết giảm từ 3% - 5%.
- Rà soát, lựa chọn khách hàng để đảm bảo hiệu quả SXKD, giảm thiểu rủi ro.
- Tiếp tục phát huy tối đa nội lực, triệt để tiết kiệm trong mọi lĩnh vực hoạt động.



## IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

- Đánh giá lại nguồn lực trong toàn Công ty; đào tạo, đào tạo lại nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của người lao động để đáp ứng yêu cầu hiện nay của Công ty.
- Tiếp tục tìm giải pháp để ổn định chất lượng sản phẩm.
- Tính toán phương án sản xuất, bảo đảm cung cấp vỏ bao cho khách hàng kể cả khi thiếu điện phải giảm tải.
- Tìm biện pháp phù hợp để thu hồi công nợ.
- Nghiên cứu, đầu tư sản xuất bao dán đáy.





CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BỈM SƠN

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !**